

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 134/2019/DS - PT
Ngày: 30 - 8 - 2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình

Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông
Ngũ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DSST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140/2019/QĐ-PT ngày 18/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2019/QĐPT-DS ngày 16/7/2019 và Thông báo chuyển lịch phiên tòa phúc thẩm số 218/2019/TB-TA ngày 07/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại T;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu T – chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Đường H, phường X, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh S; địa chỉ: đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Minh H; địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; trú tại: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị D, địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D là: ông Vũ Minh H; địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Do có mối quan hệ mua bán với vừa trái cây T nên bà Nguyễn Thị Thu T – Giám đốc công ty TNHH thương mại T biết ông Vũ Minh H là người buôn bán sầu riêng nên đặt vấn đề mua bán sầu riêng với ông H.

Ngày 10/9/2016, tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Công ty TNHH thương mại T và ông Vũ Minh H có ký Hợp đồng mua bán sầu riêng. Theo hợp đồng thì ông H sẽ bán cho Công ty T 300 tấn sầu riêng, với tỷ lệ 80% hàng nhất; 20% hàng nhì da xanh, không xương, đủ hộc cụ thể:

+ Hàng nhất (kí hiệu MT1) 240 tấn với giá 49.000 đồng/kg, lấy từ 3 hộc rưỡi trở lên từ 1,8kg đến 5kg đẹp không xương.

+ Hàng nhì (kí hiệu MT2) là 60 tấn với giá 49.000 đồng/kg, lấy từ 2 hộc rưỡi trở lên từ 1,8kg đến 6kg đẹp không xương.

Khi giá cả lên xuống thì các bên vẫn chịu giá khởi điểm như chốt giá ban đầu.

Thời gian giao hàng thỏa thuận từ ngày 01/10/2016 dưới sự chỉ đạo của bên mua cho đến hết mùa ở tỉnh Đắk Lắk.

Hai bên cũng thỏa thuận thêm trong hợp đồng là từ ngày 25/9/2016 lấy trước 20 tấn hộc bên bán với giá 47.000đồng/kg.

Không lấy hàng da cám, da nâu, chay gai, sạm gai, phấn trắng, rệp sáp, trái xị nước, trái vị dập gai, sầu riêng bị nấm ươn.

Bên mua cọc cho bên bán 1.500.000.000đồng, tiền cọc sẽ được trừ khi hai bên thanh lý hợp đồng. Nếu bên Bán tự ý xóa hợp đồng thì phải bù tiền gấp 3 lần số tiền bên mua đặt cọc.

Đối với việc thực hiện hợp đồng, phía bên Công ty TNHH thương mại T trình bày:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 26/9/2016 đến ngày 12/10/2016, Công ty đã đặt cọc cho ông H số tiền 1.000.000.000 đồng, số còn lại 500.000.000 đồng do làm ăn gặp khó khăn nên công ty xin khất và được ông H đồng ý.

Tổng số tiền công ty thanh toán và ứng trước cho ông H và bà D số tiền 4.246.361.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H chỉ giao cho công ty 70.267 kg sầu riêng hàng đóng (Trong đó 53.489 kg hàng MT1, 10.597kg hàng MT2, 6.181kg hàng Luột) và 9.942,5kg sầu riêng hàng bóc, bi, kem.

Các thời điểm giao hàng do thị trường sầu riêng xuống giá nên hai bên thỏa thuận lại giá theo từng thời điểm (Việc thỏa thuận chỉ trao đổi trực tiếp và bằng điện thoại chứ không lập thành văn bản).

Số hàng sầu riêng ông H mới giao cho công ty tương đương số tiền 3.385.181.000 đồng, số tiền ông H còn nợ lại công ty là 861.180.000 đồng. Vì vậy, công ty yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả lại cho công ty số tiền còn dư trong hợp đồng mua bán sầu riêng là 861.180.000 đồng. Nhưng qua đối chiếu kiểm tra lại sổ sách, số tiền ông H còn nợ công ty là 614.087.000 đồng. Nên ngày 21/9/2017 công ty đã có đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung và ngày 27/8/2018, công ty có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 247.093.000 đồng, công ty chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà D trả số tiền 614.087.000 đồng. Nếu ông H đồng ý thỏa thuận thì Công ty sẽ tính theo giá trong hợp đồng là 49.000 đồng/kg, từ ngày 26/9/2016 đến ngày 12/10/2016, còn ông H không đồng ý thỏa thuận thì Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Vũ Minh H trình bày:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty thỏa thuận sẽ đặt cọc theo hợp đồng là 1.500.000.000 đồng, tuy nhiên công ty chỉ mới giao cho ông số tiền 1.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại hẹn đến ngày 16/9/2016 sẽ đưa nhưng quá hạn vẫn không đưa tiền cọc cho ông. Khi ông H hỏi thì công ty tiếp tục hẹn đến ngày 20/9/2016 sẽ đưa đủ số tiền cọc. Đến ngày 20/9/2016 ông H gọi điện thì công ty tiếp tục xin nợ, ông đồng ý cho công ty nợ, vì vậy ông tiếp tục giao hàng nhưng đến nay công ty vẫn chưa đưa cho ông H số tiền 500.000.000 đồng tiền cọc.

Khi giao hàng thì bà T không mua đúng giá như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bà T lấy lý do thị trường xuống giá nên tự động hạ giá mua gây thiệt hại cho ông. Ông đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết nhưng bà T vẫn không chấp nhận. Ngày 10/10/2016 thị trường thay đổi giá sầu riêng tăng lên ông có yêu cầu bà T thực hiện đúng hợp đồng nhưng bà T vẫn không thực hiện mà trả lời “Chú bán cho ai thì bán” mà không có khiếu nại.

Ông Vũ Minh H thừa nhận đã ứng và nhận của Công ty TNHH thương mại T tổng số tiền là 3.246.361.000 đồng và trước đó ông có nhận của công ty 1.000.000.000 đồng tiền đặt cọc. Tổng số tiền ứng, đặt cọc, nhận của Công ty là 4.246.361.000 đồng. Từ ngày 25/9/2016 đến ngày 12/10/2016, ông H đã cân bán cho công ty TNHH thương mại T 73.493 kg sầu riêng hàng đóng; 9.942,5 kg sầu riêng hàng bóc, bi, kem.

Mặt khác trong quá trình giao hàng công ty đặt ra quá nhiều tiêu chuẩn khó thực hiện. Khi mùa sầu riêng đã rõ, hàng về nhiều thì công ty cố tình mua ít và tự ngưng việc mua bán. Như vậy, Công ty đã vi phạm việc giao nhận hàng.

Nay công ty khởi kiện yêu cầu ông thanh toán số tiền 614.087.000 đồng, ông H không đồng ý vì Công ty đã vi phạm hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, cụ thể như sau:

- Thứ nhất: Bên bà T không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết, không giao đúng tiền cọc như đã thỏa thuận trong hợp đồng;

- Thứ hai: Công ty nói là hàng xuống giá không biết có mua đủ hay không nên không đưa đủ tiền cọc;

- Thứ ba: Đến ngày thực hiện hợp đồng bà T tự động xuống giá, bên ông H không đồng ý nhưng bà T có hứa là xuống giá tạm thời theo thị trường sau này tính lại, bà T lấy lý do là cháu còn giữ tiền cọc của cô cháu lo gì;

- Thứ tư: Khi hàng đưa về nhiều bà T chỉ nhận 1/3 số hàng, làm cho ông phải đưa về bán cho người khác;

- Thứ năm: Khi hàng của ông về kho bà T tự động xuống giá tính hàng đóng thành hàng bốc, gây thiệt hại cho ông;

- Thứ sáu: Ngày 10, 11, 12 tháng 10 năm 2016 bà T nhận hàng rồi nhưng không tính tiền, không báo giá có dấu hiệu đòi trừ tiền cọc. Ngày 12/10/2016 ông có gọi cho anh T con trai bà T yêu cầu Thái thanh toán tiền đối với số hàng đã giao và tính sổ, anh T trả lời phần này anh ra gặp mẹ em (Bà T). Ông đã đến công ty nhiều lần nhưng không gặp, ngày 13/10/2016 ông điện thoại gặp được bà T trao đổi yêu cầu bà T thực hiện đúng theo giá hợp đồng đã ký kết vì nhà vườn không đồng ý giá thỏa thuận như bà T đưa ra. Nếu không họ trừ tiền cọc và cắt hợp đồng, có một số nhà vườn đã đơn phương cắt hợp đồng của ông, khi gặp bà T trả lời dứt khoát là chỉ mua với giá 45.000 đồng/kg là cao nhất. Ai mua cao hơn cháu cứ việc bán, nhà cô không thắc mắc hay khiếu nại gì. Do bà T nói vậy nên ông không tiếp tục giao hàng.

Ngoài ra, vì bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng làm tổn thất tài sản và số tiền từ ngày ký hợp đồng. Nhưng ông H chưa cung cấp chứng cứ liên quan đến thiệt hại và tổn thất tiền cọc các Hợp đồng mà ông đã ký kết với các bạn hàng và nhà vườn, sau này ông sẽ khởi kiện công ty T yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng một vụ án dân sự khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DSST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 401, 402, 405, 428, 429, 431, 434 và 438 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH thương mại T, đối với bị đơn ông Vũ Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị D. Buộc ông Vũ Minh H và bà Đoàn Thị D trả cho Công ty TNHH thương mại T số tiền 226.301.600 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH thương mại T đối với số tiền 387.785.400 đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH thương mại T đối với số tiền 247.093.000 đồng đã rút.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự; Bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH thương mại T phải chịu 19.389.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 18.917.700 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai theo biên lai số 005858 ngày 16/11/2016, nên Công ty TNHH thương mại T còn phải nộp 471.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Vũ Minh H và bà Đoàn Thị D phải chịu 11.315.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 25/3/2019, bị đơn ông Vũ Minh H làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án số 04/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp và phần Quyết định buộc ông và bà Đoàn Thị D phải trả cho Công ty TNHH thương mại T số tiền 226.301.600 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Vũ Minh H. Giữ nguyên bản án số 04/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Đối với kháng cáo của ông Vũ Minh H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án số 04/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp và phần quyết định buộc ông và bà Đoàn Thị D phải trả cho công ty TNHH thương mại T số tiền 226.301.600 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ vào hóa đơn chứng từ giao nhận sầu riêng do bên nguyên đơn và bị đơn cung cấp thì từ ngày 26/9/2016 đến ngày 12/10/2016 ông Vũ Minh H đã cân bán cho Công ty TNHH thương mại T 70.454kg sầu riêng hàng đóng (hàng MT1, MT2). Trong đó từ ngày 26/9/2016 đến ngày 29/9/2016 giao 20.426kg sầu riêng hàng đóng và từ ngày 01/10 đến ngày 12/10/2016 ông Vũ Minh H giao 50.028kg sầu riêng hàng đóng. Ngoài ra, từ ngày 26/9 đến ngày 12/10/2016 ông Vũ Minh H còn cân bán cho Công ty TNHH thương mại T là 9.924,5kg sầu riêng hàng bóc, bì, kem. Mặc dù ông Vũ Minh H cho rằng bên ông đã giao tổng cộng được 73.493 kg sầu riêng hàng đóng. Nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H đồng ý là từ ngày 26/9/2016 đến ngày 12/10/2016 ông Vũ Minh H đã cân bán cho Công ty TNHH thương mại T 70.454kg sầu riêng hàng đóng.

Theo hợp đồng mua bán sầu riêng ngày 10/9/2016, thì từ ngày 26/9/2016 đến ngày 29/9/2016, hai bên thỏa thuận lấy trước 20 tấn sầu riêng hàng MT1 và MT2 với giá 47.000đồng/kg. Từ ngày 01/10/2016 đến ngày 12/10/2016, hai bên thỏa

thuận hàng MT1 240 tấn với giá 49.000 đồng/kg. Hàng MT2 là 60 tấn với giá 49.000đồng/kg. Khi giá cả lên xuống thì các bên vẫn chịu giá khởi điểm như chốt giá ban đầu. Nhưng qua các hóa đơn, chứng từ do nguyên đơn cung cấp thể hiện từ ngày 26/9 đến ngày 03/10/2016 công ty thu mua giá 45.000đồng/kg; từ ngày 03/10/2019 đến ngày 06/10/2016 công ty thu mua giá hàng MT1 và MT2 là 43.500đồng/kg; từ ngày 07/10/2016 đến ngày 12/10/2016 Công ty thu mua giá hàng MT1 và MT2 là 44.500đồng/kg.

Như vậy theo quy định của pháp luật và theo các điều khoản trong hợp đồng thì Công ty TNHH thương mại T đã vi phạm, thực hiện sai các điều khoản trong hợp đồng về giá. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH thương mại T đồng ý tính lại giá sầu riêng hàng MT1 và MT 2 theo giá hợp đồng đã ký. Do đó, cấp sơ thẩm đã xác định lại giá như sau:

Từ ngày 25/9 đến ngày 30/9/2016 giá 47.000đồng/kg sầu riêng x 20.426kg = 960.002.000đồng;

Từ ngày 01/10 đến ngày 12/10/2016 giá 49.000đồng/kg sầu riêng x 50.028kg = 2.451.372.000đồng;

Đối với 9.924,5kg sầu riêng hàng bóc thì theo giá thỏa thuận của hai bên từng thời điểm, không có trong hợp đồng, các bên đã xác nhận với số tiền 269.233.000đồng.

Tổng cộng ông Vũ Minh H đã cân bán sầu riêng cho Công ty TNHH thương mại T từ ngày 26/9 đến ngày 12/10/2016 với số tiền là 3.680.607.000đồng, trừ số tiền ông H đã nhận cọc và tạm ứng 4.264.361.000đồng thì số tiền ông H còn nợ Công ty là 565.754.000đồng.

Cấp sơ thẩm tính lại giá sầu riêng theo giá thỏa thuận trong Hợp đồng là hoàn toàn phù với hợp đồng và quy định pháp luật.

Ông Vũ Minh H cho rằng số tiền ông còn nợ Công ty TNHH thương mại T là tiền đặt cọc để thực hiện hợp đồng. Do công ty TNHH thương mại T vi phạm hợp đồng nên tiền cọc thuộc về ông là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo quy định trong hợp đồng hai bên thỏa thuận đặt cọc nhằm mục đích thực hiện hợp đồng và tiền đặt cọc được trừ khi thanh lý hợp đồng. Trong trường hợp này hai bên đã thực hiện hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía nguyên đơn vi phạm về giá là căn cứ để bị đơn được quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Do đó không có căn cứ để bị đơn phạt cọc đối với nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm, xác định lỗi vi phạm hợp đồng để buộc Công ty TNHH thương mại T phải chịu 60% thiệt hại và ông Vũ Minh H và bà Đoàn Thị D phải chịu 40% thiệt hại là không chính xác. Việc xác định lỗi vi phạm hợp đồng là để giải quyết tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra.

Số tiền 565.754.000 đồng là số tiền hàng còn nợ lại mà không phải là thiệt hại của hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tính lỗi trên số tiền nợ là không đúng. Mặt khác, Tại cấp sơ thẩm bị đơn ông Vũ Minh H đã cung cấp 24 hợp đồng mua bán sầu riêng do ông Vũ Minh H ký kết với các nhà vườn, Tòa án cấp sơ thẩm đã ủy thác xác minh, thu thập chứng cứ, các nhà vườn thừa nhận ông H có đặt cọc cho họ, trong thời gian đầu ông H thực hiện đúng hợp đồng, sau đó thị trường xuống giá ông H đã thỏa thuận giảm giá, một số nhà vườn không đồng ý giảm giá nên đề nghị thanh lý hợp đồng trước thời hạn, không yêu cầu phạt hợp đồng. Do đó, bị đơn ông H cho rằng chưa có tài liệu chứng cứ để chứng minh thiệt hại mà ông sẽ khởi kiện sau là không có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Vũ Minh H và bà Đoàn Thị D trả cho Công ty TNHH thương mại T số tiền 226.301.600 đồng là theo hướng có lợi cho bị đơn. Nguyên đơn công ty TNHH thương mại T không có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi cho bị đơn.

[3] Về án phí DSPT: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Vũ Minh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 401, 402, 405, 428, 429, 431, 434, 438 và Điều 358 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Vũ Minh H. Giữ nguyên bản án số 04/2019/DS-ST ngày 12/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH thương mại T, đối với bị đơn ông Vũ Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị D. Buộc ông Vũ Minh H và bà Đoàn Thị D trả cho Công ty TNHH thương mại T số tiền 226.301.600 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH thương mại T đối với số tiền 387.785.400 đồng.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH thương mại T đối với số tiền 247.093.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH thương mại T phải chịu 19.389.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 18.917.700 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai theo biên lai số 005858 ngày 16/11/2016, nên Công ty TNHH thương mại T còn phải tiếp tục nộp 471.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Buộc ông Vũ Minh H và bà Đoàn Thị D phải chịu 11.315.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Vũ Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Vũ Minh H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0012550, ngày 29/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
-
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung